



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 14/8/2018)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	9.000
2	Xà lách búp	14.000
3	Cải bắp tròn	7.000
4	Cải ngọt	8.000
5	Cải bẹ xanh	14.000
6	Rau muống nước	18.000
7	Rau muống hạt	7.500
8	Cải thìa	9.000
9	Rau quế	9.000
10	Bầu	10.000
11	Su su	5.000
12	Khoai lang bí	5.000
13	Cà chua	6.000
14	Bông cải xanh	28.000
15	Cà rốt	16.000
16	Củ cải trắng	6.000
17	Su hào	12.000
18	Đậu hà lan	58.000
19	Đậu cove trắng	18.000
20	Khoai tây hồng	22.000
21	Bí đỏ	9.000
22	Bí xanh	9.000
23	Khổ qua	10.000
24	Dưa leo	7.000
25	Đậu bắp	9.000

26	Cà tím	5.000
27	Ớt cay Batri	23.000
28	Chanh giấy	14.000
29	Tỏi	93.000
30	Hành lá (hành hương)	10.000
31	Ngò rí	16.000
32	Rau dền	7.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	30.000
2	Cam xoan	25.000
3	Quýt đường	43.000
4	Quýt tiêu	23.000
5	Bưởi da xanh	43.000
6	Bưởi năm roi	24.000
7	Xoài Đài Loan	22.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	80.000
9	Xoài ghép	18.000
10	Xoài cát chu	33.000
11	Táo xanh	8.000
12	Dưa hấu dài đỏ	8.000
13	Dưa hấu sọc	9.000
14	Nho đỏ Phan Rang	18.000
15	Thanh Long Bình Thuận	23.000
16	Thanh Long Long An	18.000
17	Đu đủ	10.000
18	Chôm chôm thái	18.000
19	Chôm chôm nhãn	22.000
20	Mãng cầu tròn	38.000
21	Nhãn huế	11.000
22	Nhãn xùong	38.000
26	Lòng mứt	18.000